tỉnh: .....

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND huyện Hương Sơn

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND thị trấn Tây Sơn

Mã đơn vị: .....

Loại hình đơn vị: .....

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2022

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m^2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m^2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m^2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (tính theo diện tích sàn sử dụng (m^2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Đất UBND thị trấn Tây Sơn	1000	2.598.000	x																	
2	Hội quán TDP 1(Khối 2)	148,4	89.040						x												
3	Hội quán TDP 1 (Khối 1)	91,6	109.920						x												
4	Hội quán TDP 2 (Khối 3)	148,5	89.100						x												
5	Hội quán TDP 2 (Khối 4)	161	193.200						x												
6	Hội quán TDP 3 (Khối 5)	296	355.200						x												
7	Hội quán TDP 3 (Khối 6)	152	182.200						x												
8	Hội quán TDP 4 (Khối 7)	158,4	475.200						x												
9	Hội quán TDP 4 (Khối 8)	185,3	259.420						x												
10	Hội quán TDP 5 (Khối 9)	243,1	166.037						x												
11	Hội quán TDP 5 (Khối 9)	959,6	661.164						x												
12	Hội quán TDP 6 (Khối 10)	983,4	1.278.420						x												
1	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ UBND thị trấn Tây Sơn									2016	243	1.802.067	1.297.488	x							
2	Hội quán TDP 1(Khối 2)									2022	120	310.000	289.323							x	
3	Hội quán TDP 1 (Khối 1)									2022	90	350.000	326.655							x	
4	Hội quán TDP 2 (Khối 3)									2022	116	250.000	233.325							x	
5	Hội quán TDP 2 (Khối 4)									2022	120	220.000	205.326							x	
6	Hội quán TDP 3 (Khối 5)									2022	125	170.000	158.661							x	
7	Hội quán TDP 3 (Khối 6)									2022	150	210.000	195.993							x	
8	Hội quán TDP 4 (Khối 7)									2022	130	370.000	345.321							x	
9	Hội quán TDP 4 (Khối 8)									2022	150	190.000	177.327							x	

	Hội quán TDP 5 (Khối 9)									2022	70	305.000	284.657							x	
1	Hội quán TDP 5 (Khối 9)									2022	130	70.000	65.331							x	
12	Hội quán TDP 6 (Khối 10)									2022	110	24.000	22.399							x	
		4.527	6.456.901	0							1554	4.271.067	3.601.806	0	0	0	0	0	0	0	

Tây Sơn. Ngày 31 tháng 01 năm 2023.

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Võ Thị Hằng

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Trần Văn Thắng